TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 3 - 2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông với bà Hồ Thị Y tự nguyện chung sống năm 1997, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Y không chung thủy, ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Y không thay đổi, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông nhận thấy giữa ông với bà Y

không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Y là vợ chồng.

- Về con chung: Ông K xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Chí C sinh năm 1997 và Nguyễn Như H sinh ngày 26/6/2001. Khi ly hôn đối với cháu C đã trưởng thành không bị hạn chế về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu H, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng,không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Ông K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Ông K xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Hồ Thị Y không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng bà Y không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y.

[2] Về hôn nhân: Ông Kvới bà Y chung sống với nhau năm 1997, ông, bà xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông K xác định giữa ông với bà Y không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y; đối với bà Y không có ý kiến. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, không công nhận ông K với bà Y là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông K và bà Y có 02 người con chung Nguyễn Chí C sinh năm 1997 và Nguyễn Như H sinh ngày 26/6/2001. Khi ly hôn đối với cháu C đã trưởng thành không bị hạn chế về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu H hiện ông K đang nuôi dưỡng, khi ly hôn ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hh, đối với bà Y không ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông K ly thân cho đến nay cháu H do ông K trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu H cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng là

có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H; đối với việc cấp dưỡng cho con ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với bà Y không có ý kiến về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Kiệt xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với bà Y không có ý kiến về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Tấn K tphải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Tấn K và bà Hồ Thị Y là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như H sinh ngày 26/6/2001cho ông Nguyễn Tấn K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010072 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng